

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 03 tháng 02, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	SJE	02/02/2026	18.3	709.700	138.733	5.12
2	MSH	02/02/2026	38.4	2.723.700	533.737	5.1
3	PTB	02/02/2026	56.5	842.100	179.220	4.7
4	VHC	02/02/2026	69.2	5.180.500	1.300.773	3.98
5	DHC	02/02/2026	38	1.574.300	438.750	3.59
6	MML	02/02/2026	39.8	799.000	232.580	3.44
7	TNG	02/02/2026	22.6	4.844.200	1.411.697	3.43
8	DGW	02/02/2026	52.4	8.193.600	2.722.970	3.1
9	VGT	02/02/2026	14.2	4.614.500	1.553.763	2.97
10	FRT	02/02/2026	175.5	1.620.300	571.010	2.84
11	VIP	02/02/2026	11.95	677.500	249.453	2.72
12	SMC	02/02/2026	13.45	953.300	387.600	2.46
13	DTD	02/02/2026	18	660.300	298.007	2.22
14	RYG	02/02/2026	10.8	1.112.400	501.490	2.22
15	MSR	02/02/2026	38.8	5.260.700	2.402.413	2.19
16	CTD	02/02/2026	78.7	1.492.800	685.657	2.18
17	ANV	02/02/2026	29.3	3.270.100	1.516.083	2.16
18	PVD	02/02/2026	33.15	21.425.600	10.074.820	2.13
19	ORS	02/02/2026	14.25	3.318.700	1.558.453	2.13
20	PNJ	02/02/2026	118.2	3.359.900	1.642.910	2.5
21	PVC	02/02/2026	15.8	6.477.000	3.152.910	02.05
22	CMG	02/02/2026	37.1	1.013.800	502.993	02.02
23	REE	02/02/2026	61.2	1.188.800	608.043	1.96
24	VGC	02/02/2026	52.5	2.589.000	1.343.320	1.93
25	DCM	02/02/2026	37.85	6.163.300	3.229.847	1.91
26	PLC	02/02/2026	33.8	1.532.700	850.267	1.8
27	ELC	02/02/2026	23	2.578.200	1.429.123	1.8
28	HAH	02/02/2026	58.4	3.204.400	1.789.820	1.79



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	AAA	02/02/2026	7.83	1.440.820	43.95	7.81	0.25
2	BVB	02/02/2026	14	3.567.030	55.31	13.69	2.24
3	CMG	02/02/2026	37.1	590.710	63.99	34.69	6.95
4	CTD	02/02/2026	78.7	788.360	57.5	77.78	1.18
5	CTI	02/02/2026	23.85	549.640	59.27	23.59	01.08
6	DBC	02/02/2026	27.9	8.767.080	50.73	27.25	2.37
7	DPG	02/02/2026	44	869.160	61	42.51	3.49
8	DPM	02/02/2026	24.45	6.882.320	56.09	22.97	6.43
9	DRI	02/02/2026	12.04	1.064.520	44.5	12.19	1.73
10	ELC	02/02/2026	23	1.868.320	39.95	21.93	4.89
11	FPT	02/02/2026	104.3	11.237.420	58.23	99.66	4.66
12	HAH	02/02/2026	58.4	2.417.860	51.42	56.61	3.17
13	HNG	02/02/2026	6.5	6.492.880	51.2	6.16	5.46
14	HPG	02/02/2026	26.55	33.031.770	46.51	25.73	3.21
15	HUT	02/02/2026	16	1.351.960	51.27	15.75	1.58
16	KHG	02/02/2026	6.82	19.408.510	44.8	6.76	0.91
17	LPB	02/02/2026	42	1.773.690	45.68	40.87	2.78
18	MSB	02/02/2026	12.2	5.082.720	42.65	11.89	2.62
19	NTP	02/02/2026	62.8	663.050	44.21	62.38	0.67
20	PAN	02/02/2026	30	1.163.100	67.97	29.06	3.25
21	QTP	02/02/2026	12.4	740.040	56.32	12.13	2.19
22	SBS	02/02/2026	5.9	873.230	42.94	5.75	2.58
23	SBT	02/02/2026	23.9	524.160	36.2	22.68	5.37
24	SHB	02/02/2026	15.75	54.319.388	38.61	15.06	4.55
25	SIP	02/02/2026	61	714.070	67.18	57.11	6.82
26	SSI	02/02/2026	30.8	24.184.600	45.59	29.2	5.49

Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BSR	23.9	23.2	29.680.370
2	DGW	52.4	49.5	4067920
3	DHC	38	36.85	633.240
4	FRT	175.5	171	850.470
5	MSH	38.4	38.15	671860
6	MWG	93.7	93.3	9.253.680
7	PTB	56.5	54.41	260.070
8	PVC	15.8	15.7	3.701.320
9	PVD	33.15	31.7	11.260.530
10	PVS	48.1	47.8	12.473.110
11	TNG	22.6	21.65	2.023.640
12	VVS	86.2	83.8	214.530

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	HPX	5.39	5.31	2.698.620
2	SIP	61	61	714.070
3	VGC	52.5	50.1	1525780
4	VHC	69.2	65	2.011.000

Vượt đỉnh phá đáy

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	ABT	63.4	63.6	14.240
2	BTP	8.1	8.8	164.720
3	CCL	5.72	5.75	207.330
4	CRE	7.4	7.41	425.350
5	DBT	10.8	10.95	10.650
6	DXS	7.2	7.26	2.380.140
7	FIR	7	7.14	140.510
8	GDA	15.6	15.7	69.840
9	GEX	35	36	9.059.640
10	ITC	12.65	12.85	136.620
11	NHH	11	11.1	167.730
12	NRC	5.6	5.7	821.220
13	PDV	9.64	9.65	97.270
14	PLP	5.5	5.55	35.750
15	SBG	12.95	13.3	137.320
16	SVC	19.8	20	12.500
17	SZE	8.9	9	21.460
18	VCK	45.2	45.9	2.158.140
19	VNB	16.1	16.2	27.420

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	VCK	45.2	44.7	2.158.140
2	PDV	9.64	9.34	97.270
3	SZE	8.9	8.3	21.460
4	BTP	8.1	8	164.720



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	CTD	78.7	77.78	788.360
2	HAH	58.4	56.61	2.417.860
3	HUT	16	15.75	1351960
4	ITQ	2.9	2.83	603.510
5	VOS	13.6	13.43	2.342.740

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	CTD	78.7	77.39	788.360
2	DXP	11.9	11.05	569.290
3	EVF	11.6	11.54	4870370
4	ITQ	2.9	2.87	603.510
5	KBC	35.45	34.91	6.076.830
6	LAS	16.5	16.37	625.830
7	PET	34.2	32.92	2.190.870
8	QCG	14.8	14.69	636.700
9	TCM	27.8	27.28	1532820
10	VSC	21.35	21.19	9488670

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	CTG	39.35	39.32	18.594.700
2	CTR	99	98.2	979.090
3	DPM	24.45	24.07	6882320
4	DXP	11.9	11.39	569.290
5	HAG	17.35	17.31	9.137.360
7	HBC	6.4	6.34	1169630
8	HUT	16	15.8	1351960
9	PDR	18	17.08	10608560
10	PET	34.2	33.81	2190870
11	POW	14.35	14.9	17837300
12	TCM	27.8	27.18	1532820
13	VOS	13.06	13.03	2342740
14	VSC	21.35	21.2	9488670



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Phá vỡ các đường trung bình

Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	AAS	10.2	10.32	2.996.990
2	ACB	23.75	23.88	16.199.990
3	AGR	15.95	16.18	1105240
4	FIT	4.59	4.72	954.740
5	LCG	10.15	10.16	2.413.580
6	NRC	5.6	5.74	821.220
7	OCB	11.75	11.77	1.633.770
8	VRE	28.1	30.14	8.768.490

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	AGR	15.95	16.11	1.105.240
2	ELC	23	23.39	1.868.320
3	HPG	26.55	26.75	33031770
4	LDG	4.12	4.31	2.067.800
5	SMC	13.45	13.51	532.140
6	TPB	17	17.16	8.211.810
7	YEG	12.2	12.42	1.775.990

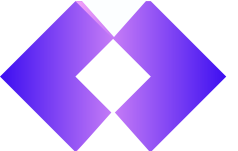
Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAA	7.83	7.93	1.440.820
2	FIT	4.59	4.71	954.740
3	HDC	21.5	21.51	3978020
4	HHS	11.2	11.47	1.891.880
5	HID	5.63	5.78	1.012.740
7	SMC	13.45	13.69	532140
8	TVN	8.6	8.63	933160
9	VGS	25.8	26.28	956950
10	YEG	12.2	12.34	1775990



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SJD	02/02/2026	13.95	13.85	14.25	2.89	233,860
2	ODE	02/02/2026	45.8	45.3	46.8	3.31	18,460
3	GHC	02/02/2026	28.8	28.5	30	5.26	38,640
4	RAL	02/02/2026	91.6	90.5	95.4	5.41	6,300
5	SMB	02/02/2026	39.5	38.85	40.95	5.41	12,540
6	CLL	02/02/2026	30.5	30.1	31.9	5.98	8,900
7	PPT	02/02/2026	15.4	14.7	15.6	06.12	215,520
8	USD	02/02/2026	18	17.3	18.5	6.94	5,320
9	VSH	02/02/2026	44.4	42	45	7.14	6,560
10	TCW	02/02/2026	31.6	30.7	33	7.49	15,740
11	SCG	02/02/2026	64.2	62.1	66.8	7.57	22,580
12	HMC	02/02/2026	11.04	11.1	12	8.11	7,320
13	SSB	02/02/2026	17.15	16.6	18	8.43	2,164,020
14	DRL	02/02/2026	45.9	45.8	49.78	8.69	6,300
15	TDC	02/02/2026	11.7	11.25	12.25	8.89	193,440
16	GDT	02/02/2026	19.65	18.75	20.42	8.91	24,740
17	DHG	02/02/2026	104	100	109	9	13,800
18	NTC	02/02/2026	155.6	152.2	166	09.07	12,260
19	TCL	02/02/2026	35.05	33.3	36.35	9.16	24,160
20	PGB	02/02/2026	12.4	12	13.1	9.17	6,720
21	TCT	02/02/2026	20	19	20.75	9.21	6,640
22	VTO	02/02/2026	11.85	11.25	12.3	9.33	168,520
23	CHP	02/02/2026	27.4	27.3	29.86	9.38	93,740
24	OCB	02/02/2026	11.75	11.65	12.75	9.44	1,301,060
25	HTG	02/02/2026	43.7	42	46	9.52	10,920
26	BMS	02/02/2026	13	12.4	13.6	9.68	67,140
27	NAB	02/02/2026	14.15	13.95	15.3	9.68	1,335,500



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009